PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 803/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chương trình điều tra thống kê quốc gia

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình điều tra thống kê quốc gia (kèm theo).

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quyết định số 144/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Chương trình điều tra thống kê quốc gia bao gồm danh mục các cuộc điều tra, thời hạn điều tra, phân công thực hiện và các điều kiện bảo đảm thực hiện việc điều tra. Danh mục các cuộc điều tra thống kê quốc gia bao gồm các cuộc Tổng điều tra và điều tra thống kê được xây dựng theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật Thống kê: "Căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp của Nhà nước, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị các cuộc điều tra thống kê dự kiến tiến hành; Cơ quan Thống kê Trung ương tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định Chương trình điều tra thống kê quốc gia dài hạn và hàng năm."

2. Các cuộc điều tra thống kê thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia có nội dung đáp ứng yêu cầu thông tin thể hiện trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ.

3. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Chương trình điều tra thống kê quốc gia cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

4. Chương trình điều tra thống kê quốc gia là căn cứ để các Bộ, ngành chủ động xây dựng kế hoạch các cuộc điều tra, xây dựng phương án điều tra, tổ chức thực hiện, dự toán kinh phí và quyết định các cuộc điều tra thống kê theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan chủ trì là đơn vị thực hiện việc xây dựng phương án điều tra, tiến hành điều tra, thu thập tổng hợp số liệu điều tra và công bố số liệu điều tra.

6. Kinh phí để thực hiện các cuộc điều tra thống kê thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia do ngân sách nhà nước cấp và được bố trí trong dự toán ngân sách của các cơ quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn kinh phí khác do tổ chức quốc tế tài trợ theo các chương trình dự án) bảo đảm theo quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra.

7. Trong những năm có tiến hành các cuộc Tổng điều tra hoặc điều tra toàn bộ, căn cứ vào Chương trình điều tra thống kê quốc gia, các cơ quan chủ trì có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc lồng ghép một số cuộc điều tra nhằm tránh sự trùng lặp đối tượng điều tra, thông tin và bảo đảm mục tiêu tiết kiệm các nguồn lực trong điều tra thống kê; trình Thủ tướng Chính phủ trước khi thực hiện.

B. DANH MỤC CÁC CUỘC ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I. Các cuộc Tổng điều tra									
01	Tổng điều tra dân số và nhà ở	Thu thập số liệu về dân số, lao động xã hội và nhà ở phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích quy mô, cơ cấu phân bố và tỷ lệ tăng dân số, nguồn lao động và nhà ở của dân cư.	Tất cả công dân Việt Nam cư trú thường xuyên trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam hoặc đang tạm trú ở nước ngoài.	Hộ dân cư	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu.	1. Điều tra toàn bộ: - Dân số chia theo giới tính, tuổi, dân tộc, tôn giáo, tình trạng đi học, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật…; - Số lượng và chất lượng nhà ở; - Thu thập các chỉ tiêu (0201, 0202, 0204, 0212, 0215). 2. Điều tra chọn mẫu: - Ngoài các chỉ tiêu điều tra toàn bộ, tiến hành điều tra các nhóm chỉ tiêu sau:	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
						- Dân số chia theo ngành nghề đào tạo, di cư, tiếng nói thường dùng trong gia đình, tình trạng tàn tật, tình trạng tình trạng hôn nhân, lao động và việc làm, tình hình sinh chết của dân số; - Tình trạng sở hữu và các điều kiện sinh hoạt của hộ có nhà ở; - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi; - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi; - Số giờ làm việc bình quân 1 lao động trong tuần; - Thu thập thông tin để tính các chỉ tiêu trong			

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
						Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (0301, 0302, 0303, 0306, 0307) và các chỉ tiêu (0205, 0206, 0207, 0208, 0209, 0210, 0211, 0213, 0214).			
02	Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản	Thu thập thông tin cơ bản về nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phục vụ nghiên cứu đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung của các chương trình, mục tiêu quốc gia trong nông thôn, nông nghiệp; xây dựng cơ sở dữ	Các hộ ở nông thôn; các hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản ở thành thị; các UBND xã; các trang trại.	Hộ nông thôn; hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản ở thành thị; trang trại; UBND xã.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu.	Tùy thuộc vào kế hoạch chương trình, các chỉ tiêu trong điều tra có thể thay đổi, bổ sung nhưng tập trung vào các nhóm sau: 1. Thực trạng nền sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: số lượng đơn vị sản xuất; số lao động và cơ cấu lao động; quy mô sản xuất; năng lực sản xuất; tình	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		liệu về nông nghiệp, thủy sản và nông thôn; lập dàn mẫu cho các cuộc điều tra chọn mẫu; so sánh quốc tế.				hình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; tiếp cận thông tin của các đơn vị sản xuất; tác động của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tới môi trường; phát triển kinh tế trang trại; vai trò của phụ nữ;…trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; 2. Thực trạng nông thôn: thực trạng và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; thực trạng			

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
						và những chuyển biến về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; 3. Thông tin về cư dân nông thôn: điều kiện sống của cư dân nông thôn; tích lũy và khả năng huy động vốn, tình hình vay vốn, khả năng tiếp cận tín dụng của cư dân nông thôn; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Thu thập các chỉ tiêu (0403, 0920).			
03	Tổng điều tra kinh tế	Thu thập thông tin cơ bản về số cơ sở kinh tế, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang	Các đơn vị sản xuất, kinh doanh, hoạt động sự nghiệp, cụ thể là các cơ sở thuộc doanh nghiệp, chi	Điều tra toàn bộ cơ sở kinh tế, đơn vị sự nghiệp	Điều tra toàn bộ	- Nhóm thông tin nhận dạng về đơn vị cơ sở; - Nhóm thông tin về lao động, thu nhập của người lao động; - Nhóm thông tin	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 2 và 7).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		làm việc trong các cơ sở kinh tế; kết quả hoạt động làm cơ sở để rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp dàn mẫu tổng thể phục vụ các cuộc điều tra chọn mẫu của ngành Thống kê và các ngành.	nhánh, văn phòng đại diện của đơn vị, cơ sở SXKD cá thể, cơ sở tôn giáo.			về kết quả sản xuất kinh doanh; - Nhóm thông tin về kết quả hoạt động và ứng dụng công nghệ thông tin; - Thu thập chỉ tiêu 0401.			
II. Các cuộc điều tra thống kê									
01: Điều tra về đất đai, dân số, lao động, việc làm									
04	Điều tra kiểm kê đất đai và xây	Thu thập thông tin về tình hình sử	Người sử dụng đất, người quản lý đất.	Xã, phường, thị trấn	Điều tra toàn bộ	- Thu thập số liệu về diện tích đất đai theo mục đích	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 01 (tiến	Bộ Tài nguyên và Môi	Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất	dụng và quản lý đất nhằm đánh giá hiện trạng sử dụng đất và kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; làm căn cứ để lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; làm tài liệu điều tra cơ bản về tài nguyên đất phục vụ việc xây dựng và đánh giá tình hình thực hiện chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất				và đối tượng sử dụng; - Số liệu về đối tượng sử dụng đất trên địa bàn đơn vị hành chính; - Thu thập thông tin về tình hình hiện trạng sử dụng đất, nguyên nhân biến động đất đai giữa các kỳ kiểm kê đất đai; - Thu thập các chỉ tiêu (0101, 0102).	hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	trường	(Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		nước; xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất để nắm được việc sử dụng đất vào các mục đích tại thời điểm kiểm kê đất đai.							
05	Điều tra dân số giữa kỳ	Thu thập thông tin về dân số và nguồn lao động làm cơ sở để lập kế hoạch và xây dựng chính sách dân số, đánh giá các chương trình dân số quốc gia.	Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ.	Hộ dân cư	Điều tra chọn mẫu	- Thu thập thông tin về quy mô, cơ cấu, phân bố và tỷ lệ tăng dân số và nguồn lao động, mức độ sinh chết và kế hoạch hóa gia đình; - Thu thập các chỉ tiêu (0201, 0202, 0204, 0205, 0206, 0207, 0208, 0209, 0210, 0211, 0212, 0213, 0214, 0215).	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Y tế, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
06	Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình	Thu thập các thông tin cơ bản về dân số làm cơ sở hoạch định chính sách, nghiên cứu biến động dân số và tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân số.	Đối tượng điều tra là toàn bộ các hộ dân cư và nhân khẩu thực tế thường trú trên các địa bàn điều tra không bao gồm những người sống trong khu vực quản lý riêng của quân đội và công an nhưng điều tra cả các hộ quân đội và công an đang sống trong khu vực của dân cư của xã/phường/thị trấn.	Hộ dân cư	Điều tra chọn mẫu.	- Thông tin chung về dân số: họ tên nhân khẩu thực tế thường trú, giới tính, tình hình di cư, tình hình đi học, tình trạng hôn nhân…; - Thông tin về người chết của hộ: thông tin về số người chết, các nguyên nhân chết, tình hình tử vong mẹ; - Thông tin liên quan đến sinh đẻ, kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản của phụ nữ 15 - 49 tuổi; - Thu thập các chỉ tiêu (0201, 0202, 0204, 0205, 0206, 0207, 0208, 0209, 0210, 0211,	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 4 (trừ năm tiến hành tổng điều tra dân số và điều tra dân số giữa kỳ).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Y tế, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
						0212, 0213, 0214, 0215, 0216).			
07	Điều tra lao động và việc làm	Thu thập thông tin phản ánh thực trạng nguồn lao động và việc làm nhằm phục vụ yêu cầu quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả và phát triển hợp lý nguồn lực thị trường lao động; phục vụ tính toán các chỉ tiêu thống kê lao động, việc làm được quy định trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.	Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ.	Hộ dân cư	Điều tra chọn mẫu	- Đối với thành viên hộ gia đình: họ tên, quan hệ với chủ hộ, giới tính, tuổi, dân tộc…; - Thông tin của những người từ 15 tuổi trở lên; -Tình trạng di cư, trình độ chuyên môn kỹ thuật; - Hoạt động kinh tế trong 7 ngày qua; - Thu thập các chỉ tiêu (0301, 0302, 0303, 0304, 0305, 0306, 0307, 0308, 0312).	Chu kỳ hàng tháng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
02: Điều tra về tài khoản quốc gia, tài chính tiền tệ									
08	Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian	Lập bảng cân đối liên ngành (I/O) làm cơ sở đánh giá kết quả sản xuất chi tiết theo ngành sản phẩm và đánh giá sự thay đổi cơ cấu chi phí sản xuất, tích lũy, tiêu dùng, xuất nhập khẩu và các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp khác; làm cơ sở tính toán các hệ số cơ bản phục vụ biên soạn Hệ thống tài khoản quốc gia.	Các cơ sở kinh tế; các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp; các hộ dân cư	Bộ/ngành; doanh nghiệp; hợp tác xã; cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp; hiệp hội; tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng;… cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; hộ tiêu dùng sản phẩm vật chất và	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Đối với Bộ, ngành: - Thông tin về thu chi ngân sách, thuế sản xuất, trợ cấp sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hóa dịch vụ…; 2. Đối với tổng công ty 90, 91: - Thông tin về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, kết quả sản xuất kinh doanh, định mức kỹ thuật của sản phẩm đặc thù; 3. Đối với các đơn vị điều tra mẫu: - Thông tin về nhận dạng đơn vị điều tra: tên đơn vị cơ sở, địa chỉ,	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 3 và 8).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
				dịch vụ.		loại hình, ngành nghề hoạt động…; - Thông tin về sản xuất kinh doanh: lao động, doanh thu, chi phí sản xuất, thu nhập,thuế, thành phẩm tồn kho và sản phẩm dở dang…; 4. Đối với hộ dân cư: - Thông tin về chi tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư; - Thu thập các chỉ tiêu (0602, 0603, 0606, 0607, 0608, 0609).			
09	Điều tra thu thập thông tin tính tổng sản phẩm	Thu thập thông tin để tính các chỉ tiêu: tổng sản	Các cơ sở kinh tế; các cơ quan hành chính, đơn vị sự	Bộ/ngành; doanh nghiệp, hợp tác	Điều tra toàn bộ kết hợp với điều	- Thu thập thông tin cơ bản về kết quả sản xuất kinh doanh, phân phối	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 5 (tiến hành vào các	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	trong nước (GDP) quý theo phương pháp sản xuất và phương pháp sử dụng cuối cùng	phẩm trong nước; tích lũy tài sản gộp; tích lũy tài sản thuần; tiêu dùng cuối cùng của Nhà nước; tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư; xuất, nhập khẩu; thuế sản xuất; thuế nhập khẩu.	nghiệp; các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp, tổ chức vô vị lợi, các hộ dân cư.	xã; cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp; hiệp hội; tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; hộ tiêu dùng sản phẩm vật chất và dịch vụ.	tra chọn mẫu.	thu nhập từ sản xuất theo quý của từng ngành và loại hình kinh tế; thu thập thông tin tổng hợp về tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư, tiêu dùng cuối cùng của Nhà nước, tích lũy tài sản cố định và tài sản lưu động, xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ theo quý trên phạm vi cả nước; - Thu thập các chỉ tiêu (0602, 0603, 0606, 0607, 0608, 0609).	năm có số tận cùng là 1 và 6).	cục Thống kê).	
10	Điều tra thu thập thông tin tính các	Tính giá trị sản xuất, chi phí trung gian	Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập thuộc	Đơn vị sự nghiệp ngoài	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin về nhận dạng đơn vị điều tra;	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 6.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Khoa học và Công

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	chỉ tiêu giá trị sản xuất, chi phí trung gian và giá trị tăng thêm của các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập	và giá trị tăng thêm của các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.	ngành hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; giáo dục và đào tạo; nghệ thuật vui chơi và giải trí.	công lập; cơ sở cá thể.		- Thông tin về thu nhập của đơn vị; - Thông tin về chi phí của đơn vị; - Thông tin về TSCĐ của đơn vị; - Thu thập các chỉ tiêu (1506, 1629, 1721, 1806).		(Tổng cục Thống kê).	nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính.
03: Điều tra về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản									
11	Điều tra diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp	Thu thập thông tin về diện tích gieo trồng cây nông nghiệp làm cơ sở để đánh giá kết quả của hoạt động trồng trọt theo từng vụ và cả năm.	Diện tích gieo trồng thực tế các loại cây nông nghiệp hàng năm và cây lâu năm.	Thôn (ấp, bản), khu phố, tiểu khu, xã (phường, thị trấn), HTX, hộ/trang trại, các tổ chức khác có trồng cây nông nghiệp trong kỳ.	Điều tra toàn bộ	- Diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp hàng năm và lâu năm hiện có đến thời điểm điều tra; - Thu thập các chỉ tiêu (0903, 0905).	Chu kỳ hàng năm. Sau khi kết thúc gieo trồng mỗi vụ sản xuất.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
12	Điều tra năng suất sản lượng lúa	Thu thập thông tin tình hình trồng lúa làm cơ sở để đánh giá tổng sản lượng lúa thu hoạch theo từng vụ và cả năm.	Cây lúa	Hộ, trang trại có gieo trồng và thu hoạch lúa trong vụ điều tra.	Điều tra chọn mẫu	- Diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch trong từng vụ sản xuất; - Sản lượng lúa thực thu; - Năng suất lúa thực thu; - Thu thập các chỉ tiêu (0908, 0909).	Chu kỳ hàng năm. Sau khi kết thúc thu hoạch theo từng vụ sản xuất trong năm.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.
13	Điều tra năng suất sản lượng cây vụ Đông và các loại cây hàng năm khác	Thu thập thông tin tình hình trồng cây vụ Đông và cây hàng năm khác làm cơ sở đánh giá kết quả hoạt động trồng trọt theo từng vụ và cả năm.	Các loại cây vụ Đông và các loại cây hàng năm khác.	Hộ, trang trại có gieo trồng và thu hoạch cây trồng vụ Đông và các loại cây hàng năm khác trong vụ điều tra.	Điều tra chọn mẫu	- Diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch trong từng vụ sản xuất; - Sản lượng thu hoạch; - Năng suất thu hoạch; - Thu thập các chỉ tiêu (0908, 0909).	Chu kỳ hàng năm. Sau khi kết thúc thu hoạch theo từng vụ sản xuất trong năm.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.
14	Điều tra năng suất sản lượng cây lâu năm	Thu thập thông tin tình hình trồng cây lâu năm làm cơ sở đánh giá kết quả hoạt động trồng	Các loại cây lâu năm	Các hộ, trang trại; doanh nghiệp thực tế trồng và thu hoạch	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu.	- Đối với hộ, trang trại: diện tích gieo trồng, diện tích cho sản phẩm, năng suất, sản lượng thu hoạch; - Đối với các	- Chu kỳ hàng năm; - Cây trọng điểm: điều tra sau khi đã cơ bản thu hoạch xong sản phẩm;	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		trọt theo từng vụ và cả năm.		sản phẩm cây lâu năm điều tra tại địa bàn trong năm điều tra.		doanh nghiệp: diện tích gieo trồng, diện tích cho sản phẩm, sản lượng cây lâu năm; - Thu thập các chỉ tiêu (0908, 0909).	- Cây lâu năm còn lại: điều tra vào 01/12 năm báo cáo		
15	Điều tra trang trại	Thu thập thông tin cơ bản tình hình phát triển trang trại nông, lâm nghiệp và thủy sản.	Trang trại nông, lâm nghiệp và thủy sản.	Các loại hình trang trại: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, tổng hợp.	Điều tra toàn bộ	- Thông tin về lao động, tình trạng sử dụng đất, chăn nuôi, vốn, thu nhập và giá trị hàng hóa, dịch vụ; - Thu thập các chỉ tiêu (0404, 0405, 0406).	Chu kỳ 2 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.
16	Điều tra chăn nuôi	Thu thập thông tin về tình hình chăn nuôi làm cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động chăn nuôi.	Các loại gia súc, gia cầm, chăn nuôi khác và các sản phẩm chăn nuôi.	Thôn (ấp, bản), doanh nghiệp, HTX, tổ chức, đoàn thể, trang trại và hộ	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu.	- Số lượng, sản lượng sản phẩm chăn nuôi trong kỳ điều tra; - Thu thập các chỉ tiêu (0912, 0913).	Chu kỳ hàng năm, ngày 01/4 và 01/10.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
				thực tế có chăn nuôi gia súc, gia cầm và chăn nuôi khác trong năm điều tra.					
17	Điều tra sản phẩm chăn nuôi quý	Thu thập sản lượng sản phẩm chăn nuôi bán giết trong kỳ.	Các loại gia súc, gia cầm.	Các hộ thực tế có sản phẩm gia súc, gia cầm bán giết trong kỳ.	Điều tra chọn mẫu trọng điểm một số tỉnh.	- Thông tin về sản lượng sản phẩm chăn nuôi quý; - Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu 0901.	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 01 và ngày 01 tháng 7.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.
18	Điều tra lâm nghiệp	Đánh giá kết quả sản xuất lâm nghiệp, hiệu quả đầu tư cho công tác trồng cây gây rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ môi trường, phục vụ tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp của Nhà nước.	Các thành phần kinh tế có hoạt động sản xuất lâm nghiệp: trồng cây lâm nghiệp phân tán, khai thác gỗ và các lâm sản khác.	Hợp tác xã (HTX), tổ trồng cây, trường học, hộ dân cư, UBND xã,…	Điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu.	- Số lượng cây lâm nghiệp trồng phân tán trong năm; - Thu hoạch sản phẩm từ rừng; - Thu thập chỉ tiêu 0919.	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 12.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
19	Điều tra kiểm kê rừng	Thu thập thông tin cơ bản về rừng để nắm tổng diện tích, trữ lượng, cơ cấu rừng các loại, phục vụ quy hoạch, kế hoạch, quản lý, bảo vệ rừng, trồng và chăm sóc rừng trồng.	Các loại rừng	Tổ chức, cá nhân có quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng.	Điều tra toàn bộ	- Tổng diện tích rừng; - Cơ cấu diện tích rừng; - Hiện trạng quản lý sử dụng rừng; - Trữ lượng rừng; - Thu thập các chỉ tiêu (0914, 0915, 0916, 0917, 0918).	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 01 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính.
20	Điều tra thủy sản	Thu thập thông tin về thủy sản làm cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản.	Các loại sản phẩm thủy sản thu hoạch từ nuôi trồng và khai thác.	Xã/phường/thị trấn, thôn (ấp, bản); doanh nghiệp, HTX, trang trại và các hộ thực tế có nuôi trồng và khai thác thủy sản trong kỳ.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu.	- Nhóm thông tin về tình hình cơ bản (diện tích nuôi trồng thủy sản, số lượng và công suất tàu thuyền) và cơ sở vật chất khác; - Nhóm thông tin về sản lượng, sản phẩm thủy sản; - Kết quả sản xuất giống thủy sản;	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 01 và ngày 01 tháng 7.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
						- Thu thập các chỉ tiêu (0923, 0924, 0925).			
21	Điều tra thủy sản quý	Thu thập thông tin về sản lượng thủy sản theo quý và giá trị giống thủy sản theo quý.	Các loại thủy sản	Các hộ thực tế có nuôi trồng và khai thác thủy hải sản trong kỳ.	Điều tra chọn mẫu trọng điểm một số tỉnh.	- Nhóm thông tin về sản lượng, sản phẩm thủy sản; kết quả sản xuất giống thủy sản; - Thu thập các chỉ tiêu (0924, 0901).	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 4 và ngày 01 tháng 10.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.
04: Điều tra về công nghiệp, vốn đầu tư và xây dựng									
22	Điều tra cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp và hộ kinh doanh	Thu thập thông tin cơ bản của doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp, hộ kinh doanh làm cơ sở cho việc lập dàn mẫu tổng thể phục vụ các cuộc điều tra thống kê.	Doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp, hộ kinh doanh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục thuế; Đơn vị khác liên quan đến nội dung điều tra.	Điều tra toàn bộ	- Thu thập thông tin về tên, địa chỉ, mã số thuế, loại hình doanh nghiệp, ngành hoạt động chủ yếu, doanh thu, lao động của doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp và hộ kinh doanh; - Thu thập thông tin về số lượng doanh nghiệp thành lập mới,	Chu kỳ hàng năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
						giải thể, phá sản, rút giấy phép; - Thu thập chỉ tiêu 0414.			
23	Điều tra doanh nghiệp	Thu thập thông tin về doanh nghiệp để đánh giá thực trạng, năng lực và kết quả SXKD của các doanh nghiệp, phục vụ cho việc quản lý, hoạch định chính sách, phát triển doanh nghiệp; cập nhật cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp phục vụ yêu cầu về thống kê doanh nghiệp và các yêu cầu thống kê khác.	Các văn phòng Tập đoàn, văn phòng Tổng công ty, doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập được thành lập, chịu sự điều tiết bởi Luật Doanh nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và đang trong quá trình đầu tư chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.	Doanh nghiệp thuộc đối tượng điều tra	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu.	- Số lượng doanh nghiệp; số lao động, tài sản, nguồn vốn, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, vốn đầu tư; tài chính, tín dụng;…và các thông tin chuyên ngành kinh tế; - Thu thập các chỉ tiêu (0407, 0408, 0409, 0410, 0412, 0320, 0501, 0502).	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 3.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Công Thương, Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
24	Điều tra ngành công nghiệp	Thu thập thông tin cơ bản về tình hình sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp làm cơ sở để tính một số chỉ tiêu công nghiệp hàng tháng phục vụ công tác quản lý của các cơ quan nhà nước các cấp và đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư và các đối tượng dùng tin khác.	Doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, các cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp và các cơ sở công nghiệp cá thể có hoạt động sản xuất công nghiệp và trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm công nghiệp thuộc danh mục điều tra.	Doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập; cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp và cơ sở công nghiệp cá thể.	Điều tra chọn mẫu	- Sản phẩm công nghiệp chủ yếu sản xuất; sản phẩm công nghiệp chủ yếu tiêu thụ; sản phẩm công nghiệp chủ yếu tồn kho; doanh thu tiêu thụ sản phẩm; số lao động; số lao động nữ; - Thu thập các chỉ tiêu (1001, 1002, 1003, 1004, 1005).	Chu kỳ hàng tháng, ngày 01 tháng sau tháng báo cáo.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính
25	Điều tra năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của sản phẩm công nghiệp	Thu thập chỉ tiêu phản ánh năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của sản phẩm công nghiệp.	Doanh nghiệp, cơ sở trong ngành công nghiệp sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất sản phẩm công nghiệp	Điều tra chọn mẫu	- Điều tra năng lực sản xuất hiện có và năng lực mới tăng của dây chuyền sản xuất, máy móc, thiết bị để sản xuất một	Chu kỳ 2 năm, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Xây dựng,

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			trên toàn quốc.	chủ yếu trên toàn quốc.		số sản phẩm công nghiệp chủ yếu; - Thu thập chỉ tiêu 1007.			Các Sở Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài chính.
26	Điều tra vốn đầu tư phát triển	Thu thập thông tin về vốn đầu tư để đánh giá tình hình thực hiện vốn đầu tư, hiệu quả vốn đầu tư và tác động của vốn đầu tư vào tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của cả nước và tỉnh/thành phố.	- Dự án/công trình của Bộ ngành, của UBND cấp tỉnh, huyện, xã là chủ đầu tư hoặc ủy quyền phân cấp; - Doanh nghiệp, dự án/công trình của các loại hình doanh nghiệp đã và chưa đi vào hoạt động SXKD có đầu tư trong kỳ điều tra;	Ban quản lý dự án/công trình; chủ đầu tư; Sở Tài chính; doanh nghiệp đang trong quá trình đầu tư; UBND xã/phường; hộ dân cư đầu tư cho sản xuất kinh doanh và đầu tư cho nhà ở.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu.	- Những chỉ tiêu nhận dạng; - Nhóm chỉ tiêu vốn đầu tư chia theo nguồn vốn; - Nhóm chỉ tiêu vốn đầu tư chia theo khoản mục đầu tư; - Nhóm chỉ tiêu vốn đầu tư chia theo ngành kinh tế căn cứ vào mục đích đầu tư; - Nhóm chỉ tiêu vốn đầu tư chia theo tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương;	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 3 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính, Bộ ngành có thực hiện đầu tư từ vốn Nhà nước.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			- Dự án/công trình của các đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập và các tổ chức tư nhân; - Hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản; hộ trang trại; hộ sản xuất kinh doanh phi nông lâm nghiệp thủy sản đầu tư cho hoạt động SXKD; hộ dân cư có đầu tư xây dựng nhà ở; - Các tổ chức cộng đồng dân cư có đầu tư trên địa bàn xã/phường; - Sở Tài chính.			- Năng lực mới tăng; - Thu thập các chỉ tiêu (0501, 0502, 0503).			

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
27	Điều tra thực hiện vốn đầu tư phát triển	Thu thập các chỉ tiêu: vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp ngoài nhà nước; dự án/công trình thuộc khu vực ngoài nhà nước; thực hiện vốn đầu tư trong dân.	- Doanh nghiệp ngoài nhà nước; dự án/công trình thuộc doanh nghiệp ngoài nhà nước (đang trong quá trình đầu tư hoặc đã đi vào hoạt động SXKD) có đầu tư trong kỳ điều tra; - Dự án/công trình của các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập hay thuộc tổ chức tư nhân đang trong quá trình đầu tư hoặc đã đi vào hoạt động SXKD có đầu tư trong kỳ điều tra;	Điều tra mẫu doanh nghiệp ngoài nhà nước; dự án/công trình thuộc doanh nghiệp ngoài nhà nước; dự án/công trình thuộc đơn vị ngoài công lập hay thuộc tổ chức tư nhân; hộ dân cư.	Điều tra chọn mẫu	- Những chỉ tiêu nhận dạng; - Nhóm chỉ tiêu vốn đầu tư chia theo nguồn vốn; - Nhóm chỉ tiêu vốn đầu tư chia theo khoản mục đầu tư; - Thu thập các chỉ tiêu (0501, 0502).	Chu kỳ hàng quý, từ ngày 01 đến ngày 12 tháng cuối quý sau quý báo cáo.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			- Hộ trang trại, hộ dân cư có đầu tư SXKD và xây dựng nhà.						
28	Điều tra hoạt động xây dựng quý	Thu thập thông tin cơ bản về tình hình hoạt động xây dựng của doanh nghiệp; xã/phường/thị trấn và hộ dân cư, để tính một số chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động của ngành xây dựng và tính đầy đủ về phạm vi chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của ngành xây	Các doanh nghiệp ngoài nhà nước có hoạt động chính là xây dựng; Các xã/phường/thị trấn có đầu tư xây dựng và do dân đóng góp; công trình được thực hiện do dân góp công hoặc thuê cá thể thi công; hộ dân cư có đầu tư xây dựng trong năm của các địa bàn được chọn điều tra.	Điều tra mẫu doanh nghiệp ngoài nhà nước có hoạt động chính xây dựng; xã/phường/thị trấn có đầu tư xây dựng; hộ dân cư có đầu tư xây dựng.	Điều tra chọn mẫu	1. Những chỉ tiêu nhận dạng; 2. Nhóm chỉ tiêu về kết quả SXKD: - Doanh thu hoạt động xây dựng; - Chi phí hoạt động xây dựng; - Lợi nhuận hoạt động xây dựng; - Thuế giá trị gia tăng; - Khối lượng công trình xây dựng hoàn thành; - Giá trị xây dựng thực hiện trong năm; - Giá trị sản xuất	Chu kỳ hàng quý, từ ngày 01 đến ngày 12 tháng cuối quý sau quý báo cáo.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		dựng đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư và các đối tượng dùng tin khác.				phân theo ngành và địa bàn; - Thu thập các chỉ tiêu (0510, 0511).			
29	Điều tra hoạt động xây dựng năm	Thu thập thông tin cơ bản về tình hình hoạt động xây dựng của xã/phường/thị trấn và hộ dân cư, để tính một số chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động của ngành xây dựng và tính đầy đủ về phạm vi chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của ngành xây dựng đáp ứng	Các xã/phường/thị trấn có đầu tư xây dựng và do dân đóng góp; công trình được thực hiện do dân góp công hoặc thuê cá thể thi công, hộ dân cư có đầu tư xây dựng trong năm của các địa bàn được chọn điều tra.	Điều tra mẫu xã/phường/thị trấn có đầu tư xây dựng; hộ dân cư có đầu tư xây dựng.	Điều tra chọn mẫu	1. Những chỉ tiêu nhận dạng; 2. Nhóm chỉ tiêu về kết quả SXKD: - Doanh thu hoạt động xây dựng; - Chi phí hoạt động xây dựng; - Lợi nhuận hoạt động xây dựng; - Thuế giá trị gia tăng; - Khối lượng công trình xây dựng hoàn thành trong năm; - Giá trị xây dựng thực hiện trong năm;	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 02 hàng năm.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư và các đối tượng dùng tin khác.				- Giá trị sản xuất phân theo ngành và địa bàn; - Thu thập các chỉ tiêu (0510, 0511).			
30	Điều tra về tình hình quy hoạch và phát triển đô thị	Thu thập thông tin về quy hoạch và phát triển đô thị để phân tích đánh giá xu hướng phát triển đô thị, làm cơ sở cho công tác lập quản lý quy hoạch đô thị, dự báo, xây dựng cho chiến lược đối với lĩnh vực phát triển đô thị.	Các đô thị	Các đô thị	Điều tra toàn bộ	- Điều tra diện tích và tỷ lệ % quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết được lập tại các đô thị theo đồ án quy hoạch chung được duyệt; loại đô thị I, II, III, IV, V; cấp quản lý hành chính; - Thu thập chỉ tiêu 0514	Chu kỳ hàng năm	Bộ Xây dựng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính.
05: Điều tra về thương mại, du lịch, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin									
31	Điều tra xuất, nhập khẩu dịch vụ	Thu thập thông tin về xuất, nhập	Doanh nghiệp ngoài nhà nước có hoạt	Doanh nghiệp ngoài nhà	Điều tra toàn bộ	- Các chỉ tiêu chung; - Trị giá và sản	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính, Ngân

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	của các doanh nghiệp ngoài nhà nước	khẩu dịch vụ để có số liệu phục vụ tính toán các chỉ tiêu xuất, nhập khẩu dịch vụ; các chỉ tiêu của Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và lập bảng cán cân thanh toán quốc tế.	động xuất, nhập khẩu dịch vụ.	nước có hoạt động xuất, nhập khẩu dịch vụ.		lượng dịch vụ xuất khẩu; - Trị giá và sản lượng dịch vụ nhập khẩu; - Nước đối tác; - Thu thập các chỉ tiêu (1111, 1112, 1113).	hành vào các năm có số tận cùng là 4 và 9).	(Tổng cục Thống kê).	hàng Nhà nước.
32	Điều tra chi phí bảo hiểm, vận tải hàng nhập khẩu	Thu thập thông tin về chi phí bảo hiểm, vận tải hàng nhập khẩu để có số liệu về nhập khẩu dịch vụ, phục vụ tính toán các chỉ tiêu của Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và	Các doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu hàng hóa.	Doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu hàng hóa.	Điều tra chọn mẫu	- Các chỉ tiêu chung; - Tên mặt hàng/nhóm hàng; - Mã số mặt hàng; - Phương thức vận tải; - Nước xuất khẩu hàng hóa cho Việt Nam; - Chi phí bảo hiểm;	Chu kỳ 3 năm (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 3, 6, 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		lập bảng cán cân thanh toán quốc tế.				- Chi phí vận tải hàng hóa; - Thu thập các chỉ tiêu (1106, 1108).			
33	Điều tra xuất, nhập khẩu dịch vụ của các doanh nghiệp ngoài nhà nước	Thu thập thông tin về xuất, nhập khẩu dịch vụ để có số liệu phục vụ tính toán các chỉ tiêu xuất, nhập khẩu dịch vụ, các chỉ tiêu của Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và lập bảng cán cân thanh toán quốc tế.	Các doanh nghiệp ngoài nhà nước có hoạt động xuất, nhập khẩu dịch vụ.	Doanh nghiệp ngoài nhà nước có hoạt động xuất, nhập khẩu dịch vụ.	Điều tra chọn mẫu	- Nhóm chỉ tiêu nhận dạng doanh nghiệp; - Chỉ tiêu về trị giá và sản lượng dịch vụ xuất khẩu, trị giá và sản lượng dịch vụ nhập khẩu, nước đối tác; - Thu thập các chỉ tiêu (1111, 1112, 1113).	Chu kỳ hàng quý, từ ngày 05 đến ngày 20 tháng thứ 2 của quý sau quý báo cáo.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước.
34	Điều tra xuất, nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp ngoài nhà nước	Thu thập chỉ tiêu: giá trị xuất khẩu hàng hóa, giá trị nhập khẩu hàng hóa;	Doanh nghiệp ngoài nhà nước có hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.	Doanh nghiệp ngoài nhà nước có hoạt động xuất nhập	Điều tra chọn mẫu	- Nhóm chỉ tiêu nhận dạng doanh nghiệp; - Nhóm chỉ tiêu về giá trị và sản lượng hàng hóa	Chu kỳ hàng tháng, từ ngày 05 đến ngày 14 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		xuất nhập khẩu với các Châu lục, khối nước, nước/vùng lãnh thổ.		khẩu hàng hóa.		xuất nhập khẩu, nước đối tác; - Thu thập các chỉ tiêu (1105, 1106, 1109).			
35	Điều tra Tổng mức bán lẻ hàng hóa của các doanh nghiệp ngoài nhà nước, hợp tác xã và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể	Thu thập thông tin về kết quả hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa nhằm biên soạn chỉ tiêu tổng mức bán lẻ hàng hóa hàng tháng, doanh thu bán buôn đáp ứng yêu cầu SNA và của các đối tượng sử dụng thông tin khác.	Doanh nghiệp ngoài nhà nước, HTX và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể có hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa, sửa chữa ô tô xe máy và xe có động cơ khác.	- Doanh nghiệp hạch toán độc lập; - Hợp tác xã; - Cơ sở kinh doanh cá thể.	Điều tra chọn mẫu	- Tổng doanh thu bán buôn, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ sửa chữa ôtô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; - Phân tổ tổng doanh thu theo nhóm, ngành hàng; - Số liệu thu thập: chính thức tháng trước, lũy kế đến hết tháng trước, ước tính tháng báo cáo; - Thu thập chỉ tiêu 1101.	Chu kỳ hàng tháng, từ ngày 05 đến ngày 14 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
36	Điều tra dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch và dịch vụ khác của các doanh nghiệp ngoài nhà nước, hợp tác xã và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể	Thu thập thông tin về kết quả kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch, dịch vụ kinh doanh bất động sản, dịch vụ hành chính và hỗ trợ, dịch vụ khác nhằm biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia đáp ứng yêu cầu thống kê SNA và các yêu cầu khác của người dùng tin.	Doanh nghiệp ngoài nhà nước, HTX và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống, kinh doanh bất động sản, dịch vụ hành chính và hỗ trợ, dịch vụ khác.	- Doanh nghiệp hạch toán độc lập; - Hợp tác xã; - Cơ sở kinh doanh cá thể.	Điều tra chọn mẫu	- Tổng doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, dịch vụ kinh doanh bất động sản, dịch vụ hành chính và hỗ trợ, dịch vụ khác; - Một số chỉ tiêu về lượng của các hoạt động dịch vụ thuộc phạm vi điều tra: Số lượt khách, ngày khách của cơ sở lưu trú, lượt khách phục vụ của cơ sở lữ hành, doanh thu thuần hàng chuyển bán…; - Số liệu thu thập: chính thức tháng trước, lũy kế đến hết tháng trước, ước tính tháng báo cáo; - Thu thập chỉ tiêu 1102.	Chu kỳ hàng tháng, từ ngày 05 đến ngày 14 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
37	Điều tra thống kê dịch vụ bưu chính	Kiểm tra tình hình thực hiện, điều chỉnh, hoàn thiện chính sách phát triển bưu chính, chuyển phát công ích.	Doanh nghiệp bưu chính Việt Nam.	Bưu cục; Bưu điện huyện; Bưu điện tỉnh.	Điều tra chọn mẫu	- Cập nhật tình hình năng lực sản xuất kinh doanh, kết quả kinh doanh, sản lượng dịch vụ, năng suất lao động; - Thu thập chỉ tiêu (1406, 1407).	Chu kỳ hàng năm	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính.
38	Điều tra chi tiêu của khách du lịch	Thu thập thông tin về chi tiêu của khách du lịch làm cơ sở tính mức chi tiêu bình quân chung và cơ cấu chi tiêu của khách du lịch, là cơ sở để suy rộng một số chỉ tiêu chủ yếu về du lịch, một số chỉ tiêu trong Hệ thống tài	Khách du lịch quốc tế và khách du lịch trong nước đang nghỉ tại các cơ sở lưu trú.	Khách du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành, các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú.	Điều tra chọn mẫu	- Tổng mức chi tiêu và một số khoản chi tiêu của khách du lịch như: chi đi lại; chi ăn uống; chi lưu trú; chi tham quan; chi cho các dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí; chi cho y tế bảo vệ sức khỏe, chi mua hàng hóa…; - Một số nhận xét đánh giá của khách du lịch quốc tế đối với cảnh quan thiên	Chu kỳ 2 năm, theo mùa du lịch (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1, 3, 5, 7, 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		khoản vệ tinh du lịch.				nhiên, môi trường, điều kiện vật chất, dịch vụ của các cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch của Việt Nam; - Thu thập các chỉ tiêu (1812, 1813, 1814).			
39	Điều tra các doanh nghiệp ngoài nhà nước và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể có hoạt động vận tải, kho bãi	Thu thập thông tin tình hình kinh doanh của ngành vận tải nhằm cung cấp số liệu để tính toán suy rộng tổng doanh thu, khối lượng vận chuyển, luân chuyển hành khách, hàng hóa, phục vụ lập	Các doanh nghiệp ngoài nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các cơ sở kinh doanh cá thể hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, hành	Doanh nghiệp ngoài nhà nước và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể có hoạt động vận tải, kho bãi.	Điều tra chọn mẫu	- Doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp hàng hóa, kho bãi, đại lý và các dịch vụ khác hỗ trợ vận tải; - Khối lượng hành khách vận chuyển; - Đơn giá hành khách vận chuyển; - Khối lượng hàng hóa vận chuyển;	Chu kỳ hàng tháng, từ ngày 08 đến ngày 15 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		báo cáo, đáp ứng yêu cầu thông tin của các cấp, các ngành.	khách, bốc xếp, kho bãi, đại lý và dịch vụ khác hỗ trợ cho vận tải thuộc tất cả các ngành đường.			- Đơn giá hàng hóa vận chuyển; - Thu thập các chỉ tiêu (1301, 1302, 1303).			
40	Cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa và đường ống	Thu thập các chỉ tiêu chiều dài và năng lực mới tăng của đường bộ, đường thủy nội địa và đường ống.	Các khu quản lý đường bộ trực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các đoạn phân đoạn quản lý đường thủy nội địa, các cảng đường thủy, các Sở Giao thông vận tải	Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Cục Hàng hải Việt Nam.	Điều tra toàn bộ (tổ chức tập huấn và phát phiếu điều tra)	- Bao gồm các chỉ tiêu về quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật hạ tầng giao thông, năng lực thông qua, năng lực bốc xếp của các cảng đường thủy và các chỉ tiêu khác sẽ được xây dựng cụ thể trong phiếu điều tra theo nhu cầu thông tin thời kỳ điều tra; - Thu thập chỉ tiêu 1304.	Chu kỳ hàng năm	Bộ Giao thông Vận tải (Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
41	Điều tra thống kê thương mại điện tử	Thu thập thông tin mức độ, trình độ và hiệu quả ứng dụng thương mại điện tử của các doanh nghiệp.	Doanh nghiệp trên toàn quốc	Doanh nghiệp trên toàn quốc	Điều tra chọn mẫu	- Mức độ sẵn sàng ứng dụng thương mại điện tử của doanh nghiệp; - Trình độ ứng dụng thương mại điện tử của doanh nghiệp; - Hiệu quả ứng dụng thương mại điện tử của doanh nghiệp; - Thu thập chỉ tiêu 1412.	Chu kỳ 2 năm, ngày 31 tháng 12 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Các cục Thống kê, Các Sở Công Thương, Bộ Tài chính.
42	Điều tra thống kê hiện trạng phổ cập dịch vụ điện thoại, Internet và nghe - nhìn	Kiểm tra tình hình thực hiện, điều chỉnh, xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển thông tin và truyền thông ở	Các hộ dân cư, cá nhân ở thôn, tổ dân phố; các tổ chức đảng, đoàn thể, chính quyền, trường học, trạm y tế cấp xã; các doanh nghiệp, đài phát thanh,	Thôn, tổ dân phố, UBND các cấp, các doanh nghiệp, các đài phát thanh truyền hình.	Điều tra toàn bộ, kết hợp điều tra chọn mẫu.	- Cập nhật hiện trạng sử dụng điện thoại, máy tính, Internet, máy thu thanh, máy thu hình ở các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đoàn thể, chính quyền, trường	Chu kỳ 5 năm đối với điều tra toàn bộ (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5); Hàng năm đối với điều tra chọn mẫu.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Văn phòng Chính phủ, Các UBND

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		từng giai đoạn phát triển.	truyền hình.			học, trạm y tế cấp xã; phát triển hạ tầng, mạng lưới của các doanh nghiệp, đài phát thanh và truyền hình; - Thu thập chỉ tiêu (1408, 1410).			cấp tỉnh, Bộ Tài Chính.
43	Điều tra ứng dụng máy tính và internet ở các tổ chức kinh tế và cơ quan hành chính sự nghiệp	Đánh giá khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai Chính phủ điện tử ở Việt Nam.	Cơ sở kinh tế; cơ quan hành chính sự nghiệp.	Cơ sở kinh tế; cơ quan hành chính sự nghiệp.	Điều tra chọn mẫu	- Số lao động, cơ cấu lao động, tỷ lệ lao động biết sử dụng máy tính; - Số lượng máy tính sử dụng, tỷ lệ, phương thức, tốc độ kết nối mạng LAN, kết nối internet; - Trang Web, bán hàng qua mạng. Tỷ lệ chi phí cho hoạt động viễn thông, internet và tin học;	Chu kỳ hàng năm	Bộ Thông tin và Truyền thông.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
						- Thu thập chỉ tiêu (1405, 1411).			
06: Điều tra về giá									
44	Điều tra giá tiêu dùng (CPI)	Thu thập giá bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng để có số liệu phục vụ tính chỉ số giá tiêu dùng hàng tháng, nhằm cung cấp số liệu về tỷ lệ tăng giá cho Chính phủ, các Bộ, các ngành sử dụng trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu chính sách, quản lý tài chính, tiền tệ. Làm cơ sở	Các mặt hàng và dịch vụ đại diện cho tiêu dùng.	Sạp hàng, quầy hàng, điểm bán hàng (chuyên bán lẻ); cơ sở kinh doanh dịch vụ; cơ quan; trường học; cơ sở khám chữa bệnh có địa điểm kinh doanh ổn định, thuộc các thành phần kinh tế.	Điều tra chọn mẫu (Điều tra trực tiếp)	- Điều tra mức giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng; - Thu thập chỉ tiêu 1201.	Chu kỳ hàng tháng, ngày 05, 15, 25 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		tính toán một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.							
45	Điều tra thu thập số liệu tính chỉ số giá xây dựng	Thu thập số liệu để tính chỉ số giá xây dựng phục vụ cơ quan quản lý nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách và xây dựng kế hoạch phát triển ngành xây dựng; dùng để tính toán các chỉ tiêu khác trong Hệ thống chỉ tiêu	Giá các loại vật liệu xây dựng; giá nhân công xây dựng; giá ca máy thi công xây dựng; vốn đầu tư xây dựng của các loại công trình; chi phí đầu tư xây dựng của các công trình.	Các Tổng công ty xây dựng, công ty xây dựng, các nhà sản xuất, đại lý bán vật liệu xây dựng, các chủ đầu tư và ban quản lý dự án, các công ty tư vấn thực hiện quản lý và tư vấn các công trình xây dựng.	Điều tra chọn mẫu (điều tra trực tiếp, điều tra gián tiếp)	- Điều tra thu thập số liệu giá các yếu tố đầu vào (giá vật liệu xây dựng; nhân công xây dựng; ca máy thi công xây dựng) tại các tỉnh/khu vực; - Điều tra thu thập số liệu vốn đầu tư xây dựng của các loại công trình tại các tỉnh/khu vực; - Điều tra thu thập số liệu chi phí đầu tư xây dựng của các công trình đại diện của các	Chu kỳ hàng quý	Bộ Xây dựng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), Các Bộ ngành có liên quan.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		thống kê quốc gia.				nhóm công trình xây dựng tại các tỉnh/khu vực; - Thu thập chỉ tiêu 1205.			
46	Điều tra thu thập số liệu tính chỉ số giá bất động sản	Để tính chỉ số giá bất động sản phục vụ cơ quan quản lý nhà nước trong việc đánh giá, dự báo xu hướng thị trường bất động sản, trên cơ sở đó đề ra các cơ chế, chính sách để xây dựng, phát triển lành mạnh thị trường; chỉ số giá bất động sản còn dùng để tính toán các chỉ tiêu khác trong	Giá của một số loại bất động sản chủ yếu giao dịch trên thị trường; tổng giá trị giao dịch của các loại bất động sản chủ yếu trên thị trường.	Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; các sàn giao dịch bất động sản.	Điều tra chọn mẫu (Điều tra trực tiếp)	- Điều tra thu thập số liệu về: giá của một số loại bất động sản đại diện có giao dịch trên thị trường; giá trị giao dịch của các loại bất động sản chủ yếu; - Thu thập chỉ tiêu 1206.	Chu kỳ hàng quý	Bộ Xây dựng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Hiệp hội bất động sản, Các cơ quan quản lý liên quan đến thị trường bất động sản, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.							
47	Điều tra giá sản xuất (PPI)								
47.1	Điều tra giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất	Để tính chỉ số giá vật tư đầu vào cho sản xuất phục vụ công tác điều hành, quản lý, xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất, kế hoạch nhập khẩu vật tư hàng hóa cho khối sản xuất, là cơ sở để tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp theo giá so sánh.	Các mặt hàng nguyên, nhiên, vật liệu đại diện dùng cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp.	Nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất, các hộ dân cư trực tiếp sản xuất sử dụng các loại nguyên, nhiên, vật liệu thuộc các thành phần kinh tế.	Điều tra chọn mẫu (Điều tra trực tiếp, Điều tra gián tiếp)	- Điều tra mức giá của người sản xuất phải trả khi mua một đơn vị khối lượng nguyên, nhiên, vật liệu dùng vào sản xuất; - Thu thập chỉ tiêu 1203.	Chu kỳ hàng quý (điều tra 3 kỳ một quý vào ngày 15 hàng tháng).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá); Bộ Công thương, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
47.2	Điều tra giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng nông, lâm nghiệp và thủy sản	Để tính chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng nông, lâm nghiệp và thủy sản hàng quý nhằm phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất đảm bảo cung cầu trên thị trường. Dùng để tính giá trị sản xuất ngành nông nghiệp và các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp theo giá so sánh.	Các mặt hàng nông, lâm nghiệp và thủy sản đại diện.	Cơ sở sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản; nông trường, lâm trường; trạm trại; hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; hộ dân cư trực tiếp sản xuất và trực tiếp bán ra các sản phẩm nông lâm thủy sản.	Điều tra chọn mẫu (Điều tra trực tiếp)	- Điều tra mức giá mà người sản xuất hàng nông, lâm, thủy sản trực tiếp bán sản phẩm của mình ra thị trường, kể cả bán tại nơi sản xuất hoặc nơi khác (không bao gồm thuế VAT); - Thu thập chỉ tiêu 1204.	Chu kỳ hàng quý (điều tra 3 kỳ một quý vào ngày 20 hàng tháng).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
47.3	Điều tra giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng công nghiệp	Để tính chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng công nghiệp hàng quý nhằm phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất đảm bảo cung cầu trên thị trường. Dùng để tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp theo giá so sánh.	Các sản phẩm công nghiệp khai khoáng, công nghiệp chế biến, công nghiệp điện, khí đốt và nước của người sản xuất trực tiếp bán ra thị trường.	Nhà máy, xí nghiệp, cơ sở trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm công nghiệp.	Điều tra chọn mẫu (Điều tra trực tiếp, Điều tra gián tiếp)	- Điều tra mức giá của người sản xuất hàng công nghiệp bán sản phẩm ra thị trường (không bao gồm các loại thuế, phí lưu thông thương nghiệp và cước vận tải) nhưng bao gồm các khoản phụ thu các khoản giảm trừ nếu có); - Thu thập chỉ tiêu 1204.	Chu kỳ hàng quý (điều tra 3 kỳ một quý vào ngày 10 hàng tháng).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), Bộ Công Thương.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
47.4	Điều tra giá cước vận tải kho bãi	Để tính chỉ số giá cước vận tải hành khách và vận tải hàng hóa phục vụ tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm theo giá so sánh, sử dụng trong phân tích kinh tế, đánh giá hiệu quả hoạt động của ngành vận tải kho bãi.	Các sản phẩm dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa, dịch vụ kho bãi và hỗ trợ vận tải (của ngành vận tải đường bộ, đường thủy, đường sắt và đường hàng không).	Các Ban quản lý bến, cảng thuộc doanh nghiệp, các doanh nghiệp hạch toán độc lập, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể kinh doanh dịch vụ vận tải kho bãi và hỗ trợ vận tải.	Điều tra chọn mẫu (Điều tra trực tiếp, Điều tra gián tiếp)	- Điều tra mức giá cước đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không và dịch vụ kho bãi, bốc xếp (không bao gồm VAT); - Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu (1204, 1201).	Chu kỳ hàng quý (điều tra 3 kỳ một quý vào ngày 05 hàng tháng).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), Bộ Giao thông vận tải.
47.5	Điều tra giá xuất, nhập khẩu hàng hóa	Để tính chỉ số giá xuất/nhập khẩu của cả nước sử dụng để giảm phát các chỉ tiêu trong hệ	Các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu đại diện.	Doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.	Điều tra chọn mẫu (Điều tra gián tiếp)	- Điều tra mức giá xuất khẩu hàng hóa (giá FOB); - Điều tra giá nhập khẩu hàng hóa (giá CIF);	Chu kỳ hàng quý (điều tra 3 kỳ một quý vào ngày 10 hàng tháng).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan); Bộ Công

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		thống tài khoản quốc gia; phục vụ phân tích vĩ mô, phân tích hiệu quả hoạt động xuất, nhập khẩu và các mục đích sử dụng khác.				- Thu thập các chỉ tiêu (1208, 1209, 1210)			Thương (Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại)
47.6	Điều tra giá dịch vụ	Để tính chỉ số giá sản xuất dịch vụ hàng quý nhằm phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển ngành sản xuất dịch vụ đảm bảo cung cầu trên	Các mặt hàng dịch vụ đại diện	Đơn vị, cơ sở trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm dịch vụ.	Điều tra chọn mẫu (Điều tra trực tiếp, gián tiếp)	- Điều tra mức giá dịch vụ bưu chính, thông tin, truyền thông khoa học công nghệ, hành chính…; - Thu thập các chỉ tiêu (1201, 0603).	Điều tra hàng quý, (điều tra 3 kỳ một quý vào ngày 05 hàng tháng)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		thị trường, làm cơ sở tính toán các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp theo giá so sánh.							
48	Điều tra giá sinh hoạt theo không gian (SCOLI)	Để tính chỉ số giá sinh hoạt theo không gian.	Các mặt hàng, dịch vụ của danh mục hàng hóa, dịch vụ điều tra.	Các cửa hàng, các quầy hàng bán lẻ tại địa bàn điều tra.	Điều tra chọn mẫu (Điều tra trực tiếp)	- Điều tra mức giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng phục vụ đời sống của các vùng dân cư trong cả nước; - Thu thập chỉ tiêu 1202.	Chu kỳ 2 năm (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)
07: Điều tra về khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường									
49	Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ	Thu thập thông tin về nguồn nhân lực, hạ tầng cơ sở, tài chính, thông tin và các tiềm lực khoa học công nghệ	Các tổ chức khoa học và công nghệ (gồm các tổ chức nghiên cứu và phát triển, trường đại học, học viện, các tổ	Tổ chức khoa học và công nghệ có tư cách pháp nhân theo luật định.	Điều tra toàn bộ	Tiềm lực khoa học và công nghệ bao gồm: - Nhân lực; - Vật lực; - Hạ tầng cơ sở; - Tài chính; - Thông tin;	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 9 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4 và 9).	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		khác phục vụ phân tích thông tin quy hoạch và xây dựng chiến lược, chính sách, phục vụ quản lý điều hành hoạt động khoa học công nghệ.	chức dịch vụ khoa học và công nghệ.			- Tiềm lực khác; - Thu thập các chỉ tiêu (1502, 1506).			
50	Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Thu thập thông tin về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các trường đại học, các doanh nghiệp	Các tổ chức nghiên cứu và phát triển; các trường đại học, học viện; các doanh nghiệp có hoạt động khoa học và công nghệ; các tổ chức nghiên cứu phát triển phi Chính phủ.	Tổ chức khoa học và công nghệ; doanh nghiệp hạch toán độc lập có tư cách pháp nhân theo luật định.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin về đơn vị cơ sở; - Nhóm thông tin về nhân lực nghiên cứu và phát triển; - Nhóm thông tin về chi phí cho nghiên cứu và phát triển; - Thu thập các chỉ tiêu (1501, 1506).	Chu kỳ 2 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		chế tạo phục vụ đánh giá, xây dựng chính sách chiến lược khoa học và công nghệ.							
51	Điều tra các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp	Phục vụ công tác nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị; phục vụ thu thập các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.	- Nước sạch thương phẩm; - Nước thải, chất thải rắn; cây xanh; chiếu sáng đô thị.	Khu công nghiệp; khu đô thị; đơn vị cấp nước; đơn vị thoát nước; đơn vị quản lý chất thải rắn.	Điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu.	- Thu thập các thông tin về hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp bao gồm: quy mô công suất, phạm vi, khả năng phục vụ, tỷ lệ phục vụ…; - Thu thập các chỉ tiêu (1913, 2118, 2120, 2121).	Chu kỳ 2 năm, (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Xây dựng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
08: Điều tra về y tế, giáo dục, văn hóa, trật tự an toàn xã hội, mức sống dân cư									
52	Điều tra cơ sở và nhân lực ngành y tế	Thống kê số lượng cơ sở, số giường bệnh, số nhân lực y tế, trang thiết bị máy móc kỹ thuật phục vụ chủ trương xã hội hóa công tác y tế.	Cơ sở y tế, cán bộ làm việc trong các cơ sở y tế.	Cơ sở y tế	Điều tra toàn bộ	- Số lượng cơ sở; - Loại cơ sở; - Số giường bệnh; - Nhân lực y tế; - Thu thập các chỉ tiêu (1701, 1702).	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	Bộ Y tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính.
53	Điều tra HIV - AIDS	Thu thập số liệu về tình hình dân số nhiễm HIV và chết do AIDS nhằm cung cấp thông tin để đánh giá, giám sát các chương trình HIV/AIDS quốc gia; phục vụ các nhà lập chính sách và	Trẻ em, phụ nữ và nam giới trong độ tuổi từ 15 đến 49.	Hộ dân cư	Điều tra chọn mẫu	- Nhóm chỉ tiêu về nhân khẩu học; - Nhóm chỉ tiêu về các đặc trưng cơ bản của đối tượng điều tra: trình độ học vấn, nghề nghiệp, việc làm…; - Hiểu biết về HIV/AIDS; - Thu thập mẫu máu;	Chu kỳ 2 năm, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Y tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		quản lý, giúp Chính phủ trong việc xây dựng các chương trình phòng chống HIV và AIDS.				- Thu thập chỉ tiêu 1716.			
54	Điều tra dinh dưỡng	Cung cấp thông tin phục vụ đánh giá tình hình dinh dưỡng sức khỏe bà mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi.	- Trẻ em dưới 5 tuổi; - Bà mẹ trong độ tuổi sinh đẻ 15 - 49 tuổi.	Hộ dân cư	Điều tra chọn mẫu	- Tình trạng dinh dưỡng; - Phòng chống suy dinh dưỡng của trẻ em; - Thu thập chỉ tiêu 1711.	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 6.	Bộ Y tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính.
55	Điều tra Y tế quốc gia	Thu thập, cung cấp số liệu phục vụ cho Bộ Y tế quản lý và hoạch định chính sách; đánh giá tác động của các chính sách đã ban hành;	- Hộ dân cư; - Cơ sở y tế.	- Hộ dân cư; - Cơ sở y tế.	Điều tra chọn mẫu	- Thu thập thông tin về tình hình sức khỏe, hoàn cảnh của hộ dân cư, đánh giá mức sống, khuyết tật, sử dụng thuốc phòng bệnh, nước sạch và vệ sinh môi trường, tử vong, sức khỏe	Chu kỳ 10 năm (tiến hành vào năm có số tận cùng là số 2).	Bộ Y tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		giám sát mục tiêu y tế quốc gia; sự phát triển của y tế tư nhân và độ bao phủ của bảo hiểm y tế.				sinh sản, chăm sóc trẻ em, tình hình ốm đau, điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, tự điều trị, bảo hiểm y tế, lối sống và các số đo nhân trắc. Kiến thức về chuẩn đoán, điều trị bệnh. Môi trường sống, cơ sở hạ tầng, tài chính…; - Thu thập chỉ tiêu (1709, 1712, 1721).			
56	Điều tra nhân khẩu học và sức khỏe	- Thu thập các thông tin về nhân khẩu học, kế hoạch hóa gia đình, lịch sử sinh đẻ, sức khỏe của bà mẹ và trẻ em; khả năng tiếp cận	- Hộ dân cư và cơ sở y tế cộng đồng.	- Hộ dân cư; - Cơ sở y tế cộng đồng.	Điều tra chọn mẫu	- Đặc trưng đối tượng điều tra (hộ dân cư, cơ sở y tế); - Lịch sử sinh đẻ; - Hiểu biết và sử dụng các biện pháp tránh thai; - Chăm sóc thai	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 10 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	Bộ Y tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		dịch vụ y tế; - Kế hoạch hóa gia đình.				sản, đỡ đẻ và nuôi dưỡng trẻ sơ sinh; - Mức sinh mong muốn và các hành vi kế hoạch hóa gia đình; - Hiểu biết về sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh và AIDS; - Khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và kế hoạch hóa gia đình; - Thu thập chỉ tiêu (0216, 1708, 1710, 1717).			
57	Điều tra người khuyết tật	Thu thập thông tin chi tiết về khuyết tật phục vụ hoạch định chính sách bảo đảm quyền lợi cho	Người khuyết tật	Hộ dân cư	Điều tra chọn mẫu	- Tỷ lệ người khuyết tật chia theo loại tật, nguyên nhân khuyết tật; - Xác định nhu cầu về chăm sóc sức khỏe và phục	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 4 (các năm có số tận cùng là 5).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		người khuyết tật.				hồi chức năng; - Nhu cầu về giáo dục việc làm; - Thu thập chỉ tiêu 1718.			
58	Điều tra các cơ sở giáo dục ngoài công lập	Thu thập các chỉ tiêu về số trường, lớp, học sinh, sinh viên, giáo viên và giảng viên.	Các cơ sở giáo dục ngoài công lập như nhà trẻ, nhóm trẻ, trường mẫu giáo, mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học.	Các Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường trung cấp chuyên nghiệp ngoài công lập, các trường cao đẳng và đại học ngoài công lập.	Điều tra toàn bộ	- Trường, lớp, học sinh và sinh viên, giáo viên và giảng viên, cơ sở vật chất; - Thu thập chỉ tiêu (1601, 1602, 1603, 1604, 1605, 1606, 1618, 1619, 1620, 1621, 1622, 1623, 1624, 1625, 1626).	Chu kỳ hàng năm (kết thúc học kỳ I của năm học).	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính.
59	Điều tra toàn bộ các đối tượng bảo trợ xã hội	Thu thập số liệu về đối tượng xã hội (9 nhóm đối tượng theo Quyết định 67	Các đối tượng thuộc diện trợ giúp chính sách xã hội.	- Hộ; xã/ phường/thị trấn.	Điều tra toàn bộ, kết hợp với rà soát hành chính.	1. Đối với hộ dân cư và cá nhân các đối tượng chính sách xã hội: - Thông tin chung về hộ gia đình;	Chu kỳ 5 năm, lần đầu tiên sẽ tiến hành vào năm 2013, ngày 01 tháng 7 (các	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống Kê), Bộ Y

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		và Quyết định 13 và các nhóm cần nghiên cứu khác) phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích, dự báo, đánh giá, hoạch định chính sách về trợ giúp các đối tượng yếu thế trong xã hội.				- Thông tin cá nhân các đối tượng chính sách xã hội (giới, độ tuổi, giáo dục, trình độ học vấn, việc làm, y tế sức khỏe); - Thông tin về thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội, nhu cầu trợ giúp xã hội; 2. Đối với xã/ phường/thị trấn: - Thông tin về số lượng đối tượng chính sách xã hội; - Thông tin về nhu cầu và khả năng đáp ứng thực hiện chính sách trợ giúp xã hội; - Thu thập các chỉ tiêu (1719, 1908).	lần tiếp theo sẽ tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).		tế, Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
60	Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam	Thu thập thông tin làm căn cứ đánh giá mức sống, đánh giá tình trạng nghèo đói và phân hóa giàu nghèo, giám sát và đánh giá một số chương trình mục tiêu quốc gia, cung cấp số liệu để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng và phục vụ tính toán Hệ thống tài khoản quốc gia.	- Hộ dân cư; - Các thành viên trong hộ dân cư; - Các xã có hộ dân cư được khảo sát.	Hộ dân cư; xã	Điều tra chọn mẫu	1. Đối với hộ: - Đặc trưng nhân khẩu học; - Giáo dục, tình trạng sức khỏe và sử dụng các dịch vụ y tế; thu nhập và chi tiêu; việc làm; tài sản; nhà ở; đồ dùng, điện, nước, công trình vệ sinh; - Tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo, tình hình tín dụng. 2. Đối với xã: - Thông tin chung về dân số và dân tộc cư trú trên địa bàn xã điều tra; - Kết cấu hạ tầng: điện, đường, trường, trạm, chợ, nguồn nước;	Chu kỳ hàng năm (mỗi năm điều tra 4 kỳ vào tháng 3, 6, 9, 12).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
						- Tình trạng kinh tế; - Một số thông tin cơ bản về tình hình kinh tế xã hội; - Thu thập các chỉ tiêu (1902, 1903, 1904, 1905, 1907, 1917, 1630, 1722, 1807, 1904, 1909, 1918, 1910, 1911, 1912, 1915, 1916)			

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng